

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825101] - PLC (CCQ2305A)

CBGD: Nguyễn Thị Lan Phương (280017)

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

ghm Nguyễn Phương Quim n.v.tuyen ghm Nguyễn Phương Quim n.v.tuyen

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050046	Nguyễn Văn Bắc	15/02/2005	CCQ2305A	01	Bac	9.3	7.5	8.2
2	2123050188	Châu Du Dân	18/05/2005	CCQ2305A					
3	2123050036	Nguyễn Quốc Duy	11/02/2005	CCQ2305A	05	Duy	7.1	8.0	7.6
4	2123050019	Nguy Thành Giảng	01/05/2005	CCQ2305A	03	Nguy	8.2	6.8	7.4
5	2123110113	Triệu Trung Hiếu	04/05/2005	CCQ2305A	01	Hieu	7.5	7.3	7.4
6	2123050008	Nguyễn Thái Hòa	02/06/2005	CCQ2305A	06	Hoi	9.5	9.3	9.4
7	2123050011	Huỳnh Tường Huy	11/10/2005	CCQ2305A	05	Huy	8.5	8.3	8.4
8	2123050004	Nguyễn Quốc Hoàng Huy	15/09/2005	CCQ2305A	04	Huy	9.0	9.5	9.3
9	2123050178	Trần Duy Khang	20/08/2004	CCQ2305A					
10	2123050015	Đỗ Tuấn Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A	03	Kiet	7.3	8.0	7.7
11	2123050020	Đạt Ngọc Lý	15/05/2005	CCQ2305A	03	Ly	8.2	5.8	6.8
12	2123050007	Vũ Văn Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A	04	Manh	8.1	8.3	8.2
13	2123050213	Trần Huy Phú	02/02/2003	CCQ2305A					
14	2123050032	Phạm Minh Quý	03/03/2004	CCQ2305A	06	Qu	9.1	8.8	8.9
15	2123050009	Nguyễn Thái Sơn	02/06/2005	CCQ2305A	01	Son	9.7	9.8	9.8
16	2123050045	Hồ Thanh Tấn	10/08/2005	CCQ2305A	03	Tan	5.9	5.8	5.8
17	2123050233	Nguyễn Tấn Thành	04/07/2005	CCQ2305A	04	Thanh	5.9	7.3	6.7
18	2123050047	Nguyễn Toàn	21/04/2005	CCQ2305A	02	Toan	8.5	8.3	8.4
19	2123050042	Nguyễn Văn Trí	24/08/2005	CCQ2305A	02	Tri	7.0	7.8	7.5
20	2123050030	Trần Hưng Trung	23/07/2005	CCQ2305A	06	Hung	8.5	8.0	8.2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825106] - PLC (CCQ2305A)

CBGD: Nguyễn Lê Nhựt Tuyền (280036)

Số SV có mặt: 19...

Số bài thi: 19...

Số tờ giấy thi: 19...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050151	Lê Quý Cầu	11/10/2004	CCQ2205C		CAU	7.6	6.0	6.6
2	2122050142	Dương Văn Dũng	15/12/2001	CCQ2205C		Dung	7.1	6.0	6.4
3	2122050133	Đỗ Văn Ngọc Lưu	20/01/2004	CCQ2205D		Loan	5.6	5.0	5.2
4	2122050099	Trương Công Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C		Mhi	7.3	6.0	6.5
5	2122050015	Trương Đức Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A		Ngoc	7.7	8.5	8.2
6	2122140060	Mai Quốc Nhật	02/02/2004	CCQ2205C		Nhat	7.7	6.0	6.7
7	2123050063	Cao Xuân Phong	24/10/2005	CCQ2305B		Phong	8.5	6.0	7.0
8	2123050091	Trần Anh Quân	26/12/2005	CCQ2305B		Quan	7.7	6.0	6.7
9	2123050067	Nguyễn Đoàn Trường Sơn	28/10/2005	CCQ2305B		Son	9.4	9.0	9.2
10	2123050075	Nguyễn Hoài Thịnh	08/05/2005	CCQ2305B		Thinh	8.0	7.5	7.7
11	2123050068	Nguyễn Trung Thoại	07/01/2005	CCQ2305B		Thoai	8.1	9.0	8.6
12	2123050059	Cao Thiên Thông	10/04/2005	CCQ2305B		Thong	8.8	9.0	8.9
13	2123050056	Nguyễn Công Trí	28/06/2005	CCQ2305B		Tri	7.4	5.0	6.0
14	2123050029	Kiều Đan Trường	18/06/2005	CCQ2305A		Truong	6.2	5.0	5.5
15	2123050005	Nguyễn Huy Tú	31/08/2005	CCQ2305A		Tu	7.3	6.0	6.5
16	2123050066	Lê Anh Tuấn	22/08/2005	CCQ2305B		Tuan	7.5	7.5	7.5
17	2123050081	Tô Quốc Tuyển	13/09/2005	CCQ2305B		Tuyen	8.8	6.5	7.4
18	2123050071	Nguyễn Anh Văn	29/04/2005	CCQ2305B		Van	7.6	5.0	6.0
19	2123050027	Nguyễn Triệu Vỹ	28/11/2005	CCQ2305A		Vy			
20	2123050049	Nguyễn Công Ý	14/07/2005	CCQ2305B		Y	9.2	6.5	7.6